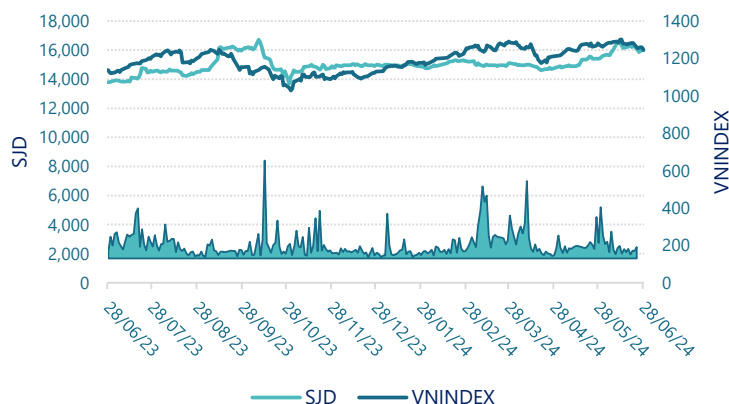


CTCP Thủy Điện Cần Đơn (HSX: SJD)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 28/06/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	16,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,717
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,700
SL cổ phiếu LH	68,998,620
KLGD BQ 20 phiên (CP)	175,515
% sở hữu nước ngoài	10.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,104
P/E	9.1
EPS	1,752

DT thuần

Q2/24

88.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 30.1 | 51.6%

YoY: ▼ 2.50 | -2.7%

LN sau thuế

Q2/24

25.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.80 | 62.0%

YoY: ▼ 5.50 | -17.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

44.0%

+/- YoY: ▼ 6.4%

DT thuần

6T 2024

147

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 11.0 | -6.8%

LN sau thuế

6T 2024

41.4

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 8.90 | -17.7%

ROE

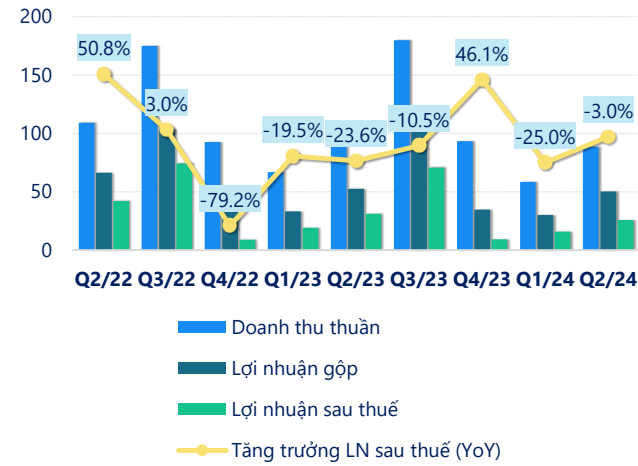
Q2/24

13.0%

+/- YoY: ▼ 0.6%

tỷ VNĐ

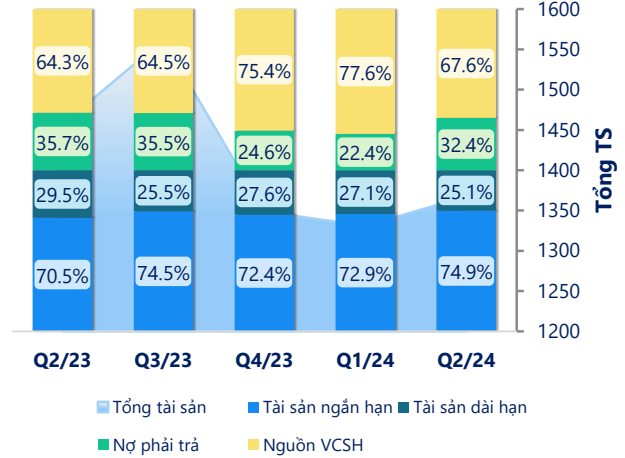
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

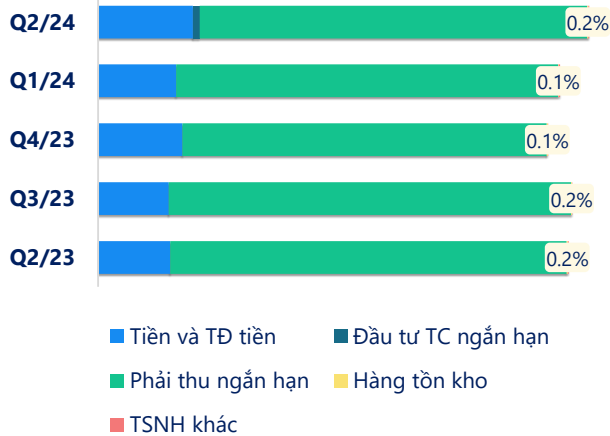
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



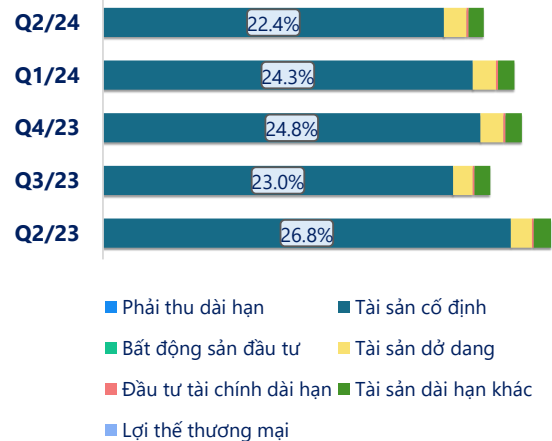
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

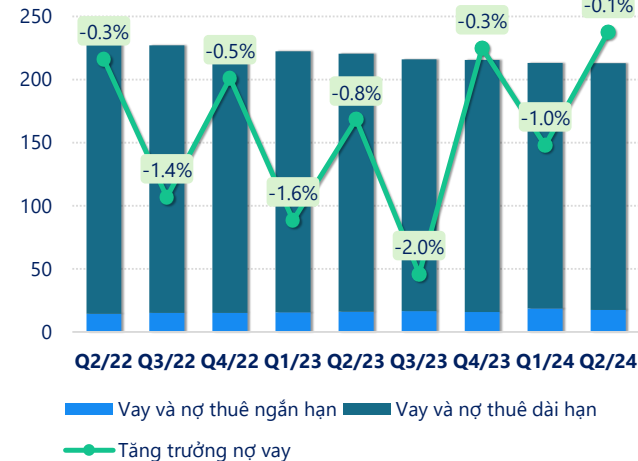
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

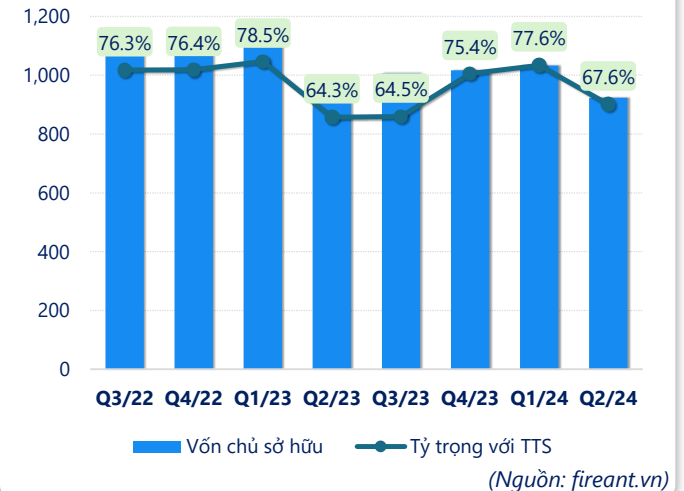
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



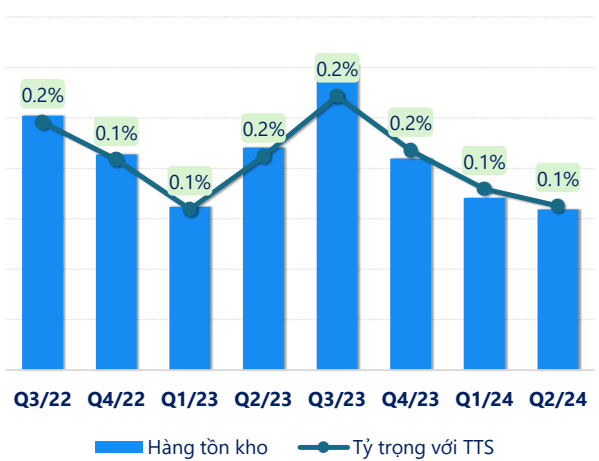
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn

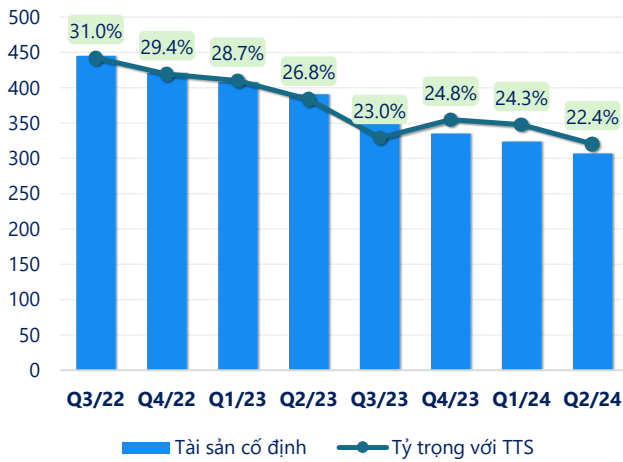

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


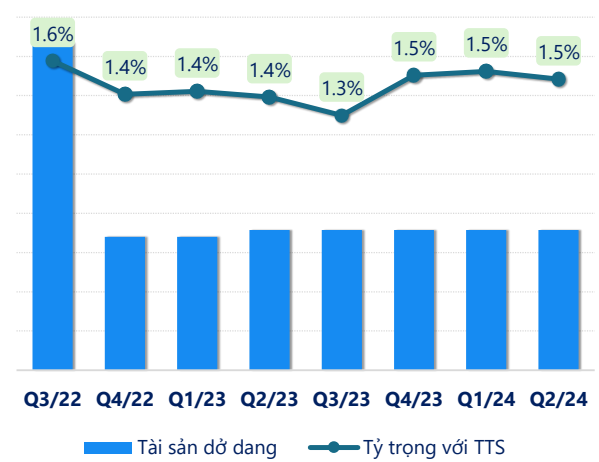
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

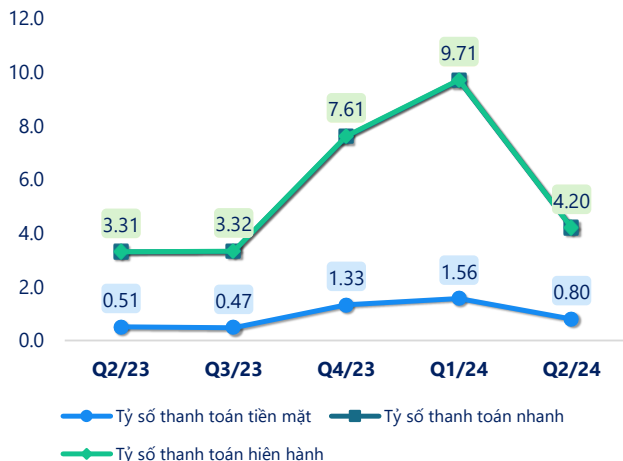
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

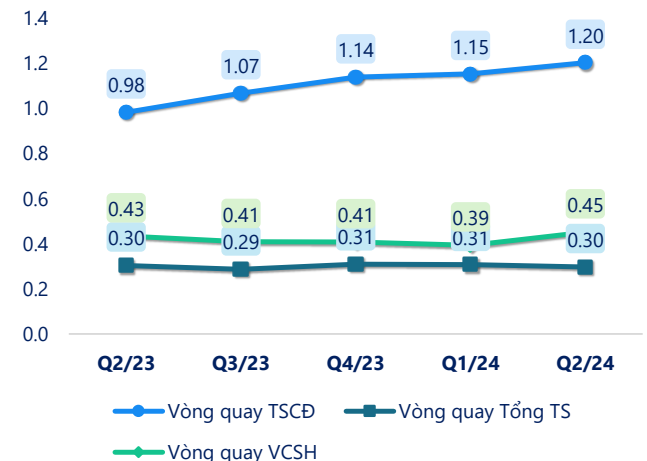
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	1,457	1,562	1,348	1,331	1,367
Tài sản ngắn hạn	1,027	1,163	977	971	1,025
Tiền và tương đương tiền	158	166	171	156	195
Đầu tư tài chính ngắn hạn	15.0	15.0	15.0	15.0	15.0
Phải thu ngắn hạn	849	978	788	794	811
Hàng tồn kho	2.21	3.03	2.10	1.71	1.59
Tài sản ngắn hạn khác	2.37	1.23	0.68	3.43	2.34
Tài sản dài hạn	430	398	372	360	343
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	391	360	335	324	307
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	20.3	20.3	20.3	20.3	20.3
Đầu tư tài chính dài hạn	1.84	1.84	1.84	1.84	1.84
Tài sản dài hạn khác	16.6	16.4	14.5	14.4	13.8
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	520	554	332	299	443
Nợ ngắn hạn	311	350	128	100.0	244
Vay và nợ thuê ngắn hạn	15.9	16.4	15.9	18.7	17.4
Phải trả người bán ngắn hạn	47.9	47.3	49.4	48.6	47.3
Nợ dài hạn	209	204	204	199	200
Vay và nợ thuê dài hạn	205	200	200	195	196
Nguồn vốn chủ sở hữu	937	1,007	1,017	1,032	924
Vốn chủ sở hữu	937	1,007	1,016	1,032	924
Vốn điều lệ	690	690	690	690	690
Kinh phí và quỹ khác	0.03	0.03	0.03	0.03	0.03

(Nguồn: fireant.vn)